

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/ 2018/HSST
Ngày 29/6/2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Vũ.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Hữu Phúc;

Ông Nguyễn Văn Sĩ.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Đức- Thư ký Toà án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa:* ông Lê Văn Phục- Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 29 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2018/HSST ngày 14/5/2018 đối với bị cáo:

- Họ và tên: **Trần Thị Tho E**, sinh năm 1988; tên gọi khác: không;

- Nơi cư trú: số 62, tuyến dân cư N, khóm U, Thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp;

- Chỗ ở: khóm X, Thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp;

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Đạo Phật;

- Trình độ học vấn 05/12;

- Nghề nghiệp: làm thuê;

- Cha: Trần Văn T, sinh năm 1937; Nghề nghiệp: làm thuê;

- Mẹ: Nguyễn Thị M, sinh năm 1948; Nghề nghiệp: làm thuê;

- Chồng: Trần Văn K, sinh năm 1983; Nghề nghiệp: làm thuê;

- Có một người con tên Trần Thanh H, sinh năm: 2006;

- Tiền án, tiền sự: không;

- Tạm giữ, tạm giam: không;

- Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- Bào chữa cho bị cáo Trần Thị Tho E có Luật sư Phạm Hoàng Đ- Thành viên Công ty Luật hợp danh Anh em Luật sư chi nhánh Đồng Tháp, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

- Bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983;

2. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1981;

Cùng địa chỉ: Khóm U, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1956.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn K, sinh năm 1983.

Địa chỉ: khóm X, Thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp;

- Người tham gia tố tụng khác:

*** Người làm chứng:**

1. Phan Hồng T (T), sinh năm 1985;

2. Trương Văn T, sinh năm 1961;

Tên gọi khác: Ba T.

3. Nguyễn Xuân M, sinh năm 1958;

4. Vũ Hoàng Quốc T, sinh năm 1981;

Cùng địa chỉ: Khóm U, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

5. Phạm Đình V, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Khóm V, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

6. Lê Thị Út N, sinh năm 1968;

Tên gọi khác: 9 G.

Cùng địa chỉ: Khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

7. Nguyễn Thị Cà T, sinh năm 1971;

8. Trần Thị Bé T, sinh năm 1979;

9. Phạm Văn H, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2014, vợ chồng Trần Thị Tho E được Nhà nước xét duyệt cấp 01 nền nhà ở tuyến dân cư N, thuộc khóm U, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Do cần tiền để xây dựng, sửa chữa nhà và tiêu xài nên từ năm 2014 đến năm 2016, Tho E đã vay, mượn tiền, vàng và lấy tên anh rể Phạm Văn H ở ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang lập hội không, rồi chiếm đoạt tiền, vàng của bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị C (chị ruột T) và bà Nguyễn Thị B (mẹ ruột T, C) cụ thể như sau:

- **Lần thứ nhất:** Trần Thị Tho E lấy tên anh rể Phạm Văn H, lập 06 dây hội không chỉ có bà T và bà C tham gia, để chiếm đoạt tiền của bà T và bà C từ năm 2014 đến 2016 âm lịch, cụ thể:

Dây hội 1: hội tháng mỗi phần 500.000 đồng, khai ngày 12/12/2014 âm lịch (ngày 31/01/2015 dương lịch), có 22 phần. Bà T tham gia 02 phần, đã đóng được 21 lần, số tiền 15.060.000 đồng (trong đó: 3 lần đóng 350.000đồng/phần x 02 phần x 03 lần = 2.100.000 đồng; 18 lần đóng 360.000 đồng/phần x 02 phần x 18 lần = 12.960.000 đồng);

Dây hội 2: hội tháng mỗi phần 500.000 đồng, khai ngày 24/5/2015 âm lịch (ngày 09/7/2015 dương lịch), có 25 phần. Bà T tham gia 02 phần, đã đóng được 16 lần, số tiền 11.240.000 đồng (trong đó: 04 lần đóng 350.000đồng/phần x 02 phần x 04 lần = 2.800.000 đồng; 05 lần đóng 340.000 đồng/phần x 02 phần x 05 lần = 3.400.000 đồng; 07 lần đóng 360.000 đồng/phần x 02 phần x 07 lần = 5.040.000 đồng);

Dây hội 3: hội tháng mỗi phần 1.000.000 đồng, khai ngày 24/5/2015 âm lịch (ngày 09/7/2015 dương lịch), có 25 phần. Bà T tham gia 01 phần, đã đóng được 16 lần, số tiền 10.540.000 đồng (trong đó: 02 lần đóng 640.000đồng/phần x 02 lần = 1.280.000 đồng; 02 lần đóng 650.000 đồng/phần x 02 lần = 1.300.000 đồng; 08 lần đóng 660.000 đồng/phần x 08 lần = 5.280.000 đồng; 04 lần đóng 670.000 đồng/phần x 04 lần = 2.680.000 đồng);

Dây hội 4: hội tháng mỗi phần 2.000.000 đồng, khai ngày 27/6/2016 âm lịch (ngày 30/7/2016 dương lịch), có 25 phần. Bà T tham gia 01 phần, đã đóng được 03 lần, số tiền 4.000.000 đồng (trong đó: 01 lần đóng 1.300.000đồng/phần x 01 lần = 1.300.000 đồng; 02 lần đóng 1.350.000 đồng/phần x 02 lần = 2.700.000 đồng);

Dây hội 5: hội tháng mỗi phần 1.000.000 đồng, khai ngày 27/6/2016 âm lịch (ngày 30/7/2016 dương lịch), có 25 phần. Bà T tham gia 01 phần, bà C tham gia 03 phần, đã đóng được 12 lần, số tiền 7.760.000 đồng (trong đó: bà T đóng 02 lần 640.000 đồng/ phần x 02 lần = 1.280.000 đồng + 01 lần đóng 660.000 đồng/ phần = 1.940.000 đồng; C đóng 06 lần 640.000 đồng/phần x 06 lần = 3.840.000 đồng + 03 lần đóng 660.000 đồng/ phần x 03 lần = 1.980.000 đồng. Tổng cộng: 5.820.000 đồng);

Dây hội 6: hội tháng mỗi phần 500.000 đồng, khai ngày 27/6/2016 âm lịch (ngày 30/7/2016 dương lịch), có 25 phần. T tham gia 01 phần, C tham gia 03 phần,

đã đóng được 03 lần, số tiền 4.120.000 đồng (trong đó: T đóng 02 lần 340.000 đồng/phần x 02 lần = 680.000 đồng + 01 lần đóng 350.000 đồng/phần = 1.030.000 đồng; C đóng 06 lần 340.000 đồng/phần x 06 lần = 2.040.000 đồng + 03 lần đóng 350.000 đồng/phần x 03 lần = 1.050.000 đồng, tổng cộng: 3.090.000 đồng);

Tổng cộng 06 dây hui, 14 phần tham gia như đã nêu trên, Tho E đã chiếm đoạt của bà T và bà C tổng cộng số tiền là 52.720.000 đồng (trong đó bà T 43.810.000 đồng, bà C 8.910.000 đồng);

Quá trình điều tra, Trần Thị Tho E thừa nhận do không có tiền tiêu xài và đóng lãi tiền, vàng mà Tho E vay của bà T và bà C trước khi mở hui, nên Tho E đã lập không 06 dây hui trên nhằm chiếm đoạt tiền của bà T và bà C. Trong đó 04 dây hui đầu chỉ nói miệng và kêu bà T và bà C đóng tiền; còn 02 dây hui sau Tho E đến cơ sở in ấn “Sáu Q” do Phạm Đình V làm chủ ở khóm V, Thị trấn T, thuê đánh máy vi tính và in 02 tấm danh sách hui viên để giao cho bà T và bà C giữ và theo dõi việc khai hui. Việc chơi hui trên, bà T có ghi theo dõi số tiền đóng hui từng lần; qua đối chiếu Tho E thừa nhận chiếm đoạt số tiền như đã nêu trên.

- **Lần thứ hai:** do không có tiền tiêu xài và đóng lãi tiền, vàng vay của bà T và bà C nên Trần Thị Tho E đến gặp bà Nguyễn Thị B (mẹ ruột của T và C) nói dối là anh rể Tư H và chị Nguyễn Thị Cà T (chị ruột Tho E) cần tiền cất nhà, đưa người thân đi khám bệnh để mượn số tiền 100.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24K-9999 (trong đó: ngày 28/7/2016 âm lịch (ngày 30/8/2016 dương lịch) mượn 50.000.000 đồng; ngày 25/8/2016 âm lịch (ngày 25/9/2016 dương lịch) mượn 50.000.000 đồng; tiếp tục 02-03 ngày sau Tho E đến gặp bà B mượn thêm 05 chỉ vàng 24K- 9999).

Cả ba lần mượn tiền, vàng trên bà B không làm chứng từ và không tính lãi, đến ngày 10/10/2016 dương lịch, Tho E vỡ nợ, bà B đến đòi, Tho E có trả được 16.700.000 đồng, còn lại 83.300.000 đồng và 05 chỉ vàng 24K- 9999 x 3.460.000 đồng/chỉ = 17.300.000 đồng (bảng giá vàng ngày 25/12/2016), đến nay chưa trả.

Ngoài ra, từ ngày 03/01/2014 âm lịch đến ngày 26/3/2016 âm lịch, Tho E đã vay tiền, vàng của bà T và bà C 56 lần, tổng số tiền: 1.369.000.000 đồng và 49 chỉ vàng 24K-9999. Qua làm việc và đối chất, Tho E thừa nhận số nợ như trên nhưng có trả lãi cụ thể 80.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng đối với tiền vay tính lãi tháng; 10.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày đối với tiền vay tính lãi ngày và 150.000 đồng/chỉ/tháng đối với vàng vay. Còn bà T và bà C trình bày có nhận lãi của Tho E nhưng với lãi suất 20.000 đồng/1.000.000đ/tháng đối với tiền vay tính lãi tháng; 1.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày đối với tiền vay tính lãi ngày; 50.000 đồng/chỉ/tháng đối với vàng vay.

Đối với số tiền và vàng trên, bà T, bà C và Tho E không cung cấp được chứng từ hay chứng cứ gì chứng minh giá trị phần lãi đã đóng đối với từng loại tiền, vàng vay và cũng không xác định được tiền lãi đóng được bao nhiêu nên

không đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Tho E về hành vi này, nên Cơ quan điều tra hướng dẫn bà T và bà C khởi kiện đến Tòa án bằng một vụ kiện dân sự khác.

- Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ASUS - JENFONE 2, màu đen-viên xám trắng. Điện thoại này T dùng để ghi âm khi nói chuyện với Tho E; 01 (một) quyển tập học sinh “Công ty quyết tâm”, gồm 37 tờ, không kẻ trang bìa. Tờ 02, 03 theo dõi số vàng cho vay, được đánh số ký hiệu 01- 02 bằng mực đen. Tờ 07, 08, 09 ghi theo dõi số tiền cho vay tháng đánh số ký hiệu 03- 04- 05- 06 bằng mực đen. Tờ 13, 14 ghi theo dõi số tiền cho vay ngày đánh số ký hiệu 07- 08 bằng mực đen; 01 đĩa DVD-R, nhãn hiệu maxell 4.7GB; bên trong đĩa có chứa 09 (chín) đoạn ghi âm có nội dung liên quan đến việc tiền nợ giữa bị cáo với bị hại C và T; 01 (một) tờ giấy A4 màu xanh dương, một mặt có ghi chữ “Sổ hui” 500.000 đồng, ngày 27/6/2016 (AL), một mặt ghi chữ “Danh sách hui viên” phía dưới là tên hui viên tham gia; 01 (một) tờ giấy A4 màu vàng, một mặt có ghi chữ “Sổ hui” 1.000.000 đồng, ngày 27/6/2016 (AL), một mặt ghi chữ “Danh sách hui viên” phía dưới là tên hui viên tham gia; 01 (một) cuốn sổ có bìa màu xanh lá cây, bên trong là giấy kẻ ô vuông (kích thước 9 x 15,5^{cm}), có 09 tờ có chữ viết và chữ số được ký hiệu từ số 1 đến số 9 bằng mực đen; 01 (một) biên nhận giữa Trần Thị Tho E, Trần Văn K với Nguyễn Thị T, đề ngày 13/10/2016, nội dung giao tủ thờ, tủ quần áo, cái giường và xe mô tô biển số 66N1 – 168.73 với số tiền 100.000.000 đồng; 01 (một) hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 13/10/2016 giữa Trần Văn K, Trần Thị Tho E với Huỳnh Văn T và Nguyễn Thị C. Nội dung giao căn nhà số 20 lô C, cụm dân cư khóm U, thị trấn T với giá 150.000.000 đồng.

Đối với tài sản gồm: 01 tủ thờ, 01 tủ quần áo, 01 cái giường, 01 chiếc xe mô tô biển số: 66N1-168.73, nhà và đất của Trần Thị Tho E và Trần Văn K đã thỏa thuận giao cho T, C trước khi khởi tố vụ án; hiện nay không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với các tài sản trên.

Đối với Trần Văn K (chồng Tho E) không biết Tho E vay tiền, vàng của bà T, bà C và bà B nên không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đồng phạm trong vụ án.

Bản cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, truy tố bị cáo Trần Thị Tho E về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Tho E khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng với nội dung bản cáo trạng đã quy kết và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tại phiên tòa, sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của

bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa cùng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo, đã giữ nguyên quan điểm truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo Trần Thị Tho E về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c, khoản 2 Điều 174; điểm n, s khoản 1 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52; Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, xử phạt bị cáo Tho E từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: căn cứ các Điều 584, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo bồi thường cho bà Nguyễn Thị T số tiền 43.810.000 đồng; bà Nguyễn Thị C 8.910.000 đồng và bà Nguyễn Thị B 100.600.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Trả lại cho bị hại Nguyễn Thị T: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ASUS - JENFONE 2, màu đen-viên xám trắng.

Tịch thu lưu vào hồ sơ vụ án: 01 (một) quyển tập học sinh “Công ty quyết tâm”, gồm 37 tờ, không kẻ trang bìa. Tờ 02, 03 theo dõi số vàng cho vay, được đánh số ký hiệu 01- 02 bằng mực đen. Tờ 07, 08, 09 ghi theo dõi số tiền cho vay tháng đánh số ký hiệu 03- 04- 05- 06 bằng mực đen. Tờ 13, 14 ghi theo dõi số tiền cho vay ngày đánh số ký hiệu 07- 08 bằng mực đen; 01 đĩa DVD-R, nhãn hiệu maxell 4.7GB; bên trong đĩa có chứa 09 (chín) đoạn ghi âm có nội dung liên quan đến việc tiền nợ giữa bị cáo Tho E với bị hại C và T; 01 (một) tờ giấy A4 màu xanh dương, một mặt có ghi chữ “Sổ hụi” 500.000 đồng, ngày 27/6/2016 (AL), một mặt ghi chữ “Danh sách hụi viên” phía dưới là tên hụi viên tham gia; 01 (một) tờ giấy A4 màu vàng, một mặt có ghi chữ “Sổ hụi” 1.000.000 đồng, ngày 27/6/2016 (AL), một mặt ghi chữ “Danh sách hụi viên” phía dưới là tên hụi viên tham gia; 01 (một) cuốn sổ có bìa màu xanh lá cây, bên trong là giấy kẻ ô vuông (kích thước 9 x 15,5^{cm}), có 09 tờ có chữ viết và chữ số được ký hiệu từ số 1 đến số 9 bằng mực đen.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: không có ý kiến gì về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã khắc phục một phần trách nhiệm dân sự; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và hiện đang mang thai. Đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, n và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và mức án nhẹ nhất để sớm được trở về với xã hội làm lại cuộc đời.

Bị hại Nguyễn Thị T yêu cầu bị cáo và ông Trần Văn K (chồng bị cáo) bồi thường số tiền bị chiếm đoạt là 43.810.000 đồng và đề nghị xem lại mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị cho bị cáo còn nhẹ;

Bị hại bà Nguyễn Thị C yêu cầu bị cáo và ông Trần Văn K (chồng bị cáo) bồi thường số tiền bị chiếm đoạt là 8.910.000 đồng và đề nghị xem lại mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị cho bị cáo còn nhẹ;

Bị hại bà Nguyễn Thị B yêu cầu bị cáo và ông Trần Văn K (chồng bị cáo) bồi thường số tiền bị chiếm đoạt là 83.300.000 đồng và 05 chỉ vàng 24K, vàng 9999.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn K không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Trong quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát đề nghị lại mức hình phạt lần thứ 2 đối với bị cáo là từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù.

Hội đồng xét xử xét thấy: Lời đề nghị mức hình phạt lần thứ 2 của đại diện Viện kiểm sát, cao hơn lời đề nghị lần thứ 1 là bất lợi cho bị cáo, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận lời đề nghị trên, mà chỉ chấp nhận lời đề nghị mức hình phạt lần thứ 1 của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo là từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tam Nông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo, bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng đã thu giữ, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận:

Do cần tiền để xây dựng, sửa chữa nhà và tiêu xài cá nhân, từ năm 2014 đến năm 2016, bị cáo đã nhiều lần vay tiền của bà T và bà C để sử dụng vào việc trên. Khi số tiền vay đã cao, không có khả năng trả nợ cho bà T và bà C, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối là nói với bà T và bà C là anh rể Phạm Văn H tổ chức chơi hụi để lập 06 dây hụi khổng, chỉ có bà T và bà C tham gia, để chiếm đoạt tiền của bà T và bà C số tiền 52.720.000 đồng (trong đó bà T là 43.810.000 đồng, bà C là 8.910.000 đồng), cụ thể như sau:

Dây hụi 1: hụi tháng mỗi phần 500.000 đồng, khai ngày 12/12/2014 âm lịch (ngày 31/01/2015 dương lịch), có 22 phần. Bà T tham gia 02 phần, đã đóng được 21 lần, số tiền bị cáo chiếm đoạt của bà T là 15.060.000 đồng;

Dây hụi 2: hụi tháng mỗi phần 500.000 đồng, khai ngày 24/5/2015 âm lịch (ngày 09/7/2015 dương lịch), có 25 phần. Bà T tham gia 02 phần, đã đóng được 16 lần, số tiền bị cáo chiếm đoạt của bà T là 11.240.000 đồng;

Dây hụi 3: hụi tháng mỗi phần 1.000.000 đồng, khai ngày 24/5/2015 âm lịch (ngày 09/7/2015 dương lịch), có 25 phần. Bà T tham gia 01 phần, đã đóng được 16 lần, số tiền bị cáo chiếm đoạt của bà T là 10.540.000 đồng;

Dây hụi 4: hụi tháng mỗi phần 2.000.000 đồng, khai ngày 27/6/2016 âm lịch (ngày 30/7/2016 dương lịch), có 25 phần. Bà T tham gia 01 phần, đã đóng được 03 lần, số tiền bị cáo chiếm đoạt của bà T là 4.000.000 đồng;

Dây hụi 5: hụi tháng mỗi phần 1.000.000 đồng, khai ngày 27/6/2016 âm lịch (ngày 30/7/2016 dương lịch), có 25 phần. Bà T tham gia 01 phần, bà C tham gia 03 phần, đã đóng được 12 lần, số tiền bị cáo chiếm đoạt là 7.760.000 đồng (trong đó: bà T là 1.940.000 đồng; bà C là 5.820.000 đồng);

Dây hụi 6: hụi tháng mỗi phần 500.000 đồng, khai ngày 27/6/2016 âm lịch (ngày 30/7/2016 dương lịch), có 25 phần. Bà T tham gia 01 phần, bà C tham gia 03 phần, đã đóng được 03 lần, số tiền bị cáo chiếm đoạt là 4.120.000 đồng (trong đó: bà T là 1.030.000 đồng; bà C là 3.090.000 đồng).

Trong đó, 04 dây hụi đầu bị cáo chỉ nói miệng và kêu bà T và bà C tham gia và châu hụi, còn 02 dây hụi sau bị cáo đến cơ sở in ấn “Sáu Q” do Phạm Đình V làm chủ ở khóm V, Thị trấn T, thuê V đánh máy vi tính và in 02 tấm danh sách hụi viên để giao cho bà T và bà C giữ và theo dõi việc khai hụi. Việc chơi hụi trên, bà T có ghi theo dõi số tiền đóng hụi từng lần; qua đối chiếu bị cáo thừa nhận chiếm đoạt số tiền như đã nêu trên.

Tiếp đến từ ngày 30/8/2016 đến ngày 25/9/2016, bị cáo đến gặp bà Nguyễn Thị B nói dối là anh rể Tư H và chị Nguyễn Thị Cà T cần tiền cất nhà, đưa người thân đi khám bệnh nên đã mượn tiền, vàng của bà B 03 lần rồi chiếm đoạt số tiền 83.300.000 đồng và 05 chỉ vàng 24K- 9999 x 3.460.000 đồng/chỉ = 17.300.000 đồng, tổng cộng: 100.600.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền mà bị cáo lừa đảo chiếm đoạt của bà T, bà C và bà B là 153.300.000 đồng (trong đó bà T là 43.810.000 đồng; bà C là 8.910.000 đồng và bà B là 100.600.000 đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của bà T, bà C và bà B một cách trái pháp luật.

Hành vi đó đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Chính vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông đã truy tố bị cáo về tội

“*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trước ngày 01/01/2018, bị truy tố và xét xử sau ngày 01/01/2018, nhưng việc áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 hoặc Bộ luật hình sự năm 1999 đều không làm bất lợi cho bị cáo. Do đó, áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 để xét xử bị cáo là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo đã có hành vi dùng thủ đoạn đưa ra thông tin giả bằng lời nói dối để chiếm đoạt tài sản của chủ sở hữu với lỗi cố ý. Cho thấy hành vi của bị cáo là rất liều lĩnh, táo bạo tạo nên dư luận xấu trong quần chúng nhân dân và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, nghĩ nên cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc và cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, mới có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo và bị cáo đang mang thai theo điểm n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, Luật sư đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo và bị cáo đang mang thai theo điểm b, n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy, việc bị cáo có trả cho bà B số tiền 16.700.000đ, số tiền này bị cáo trả cho bà B trước khi Cơ quan điều tra khởi tố vụ án. Từ khi Cơ quan điều tra khởi tố vụ án cho đến nay, bị cáo không khắc phục được phần nào hậu quả mà bị cáo đã gây ra cho các bị hại. Do đó, đại diện Viện kiểm sát không cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là phù hợp và có căn cứ chấp nhận. Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và Luật sư đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là đang mang thai theo điểm n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo bị Cơ quan điều tra khởi tố vụ án và khởi tố bị can vào ngày 17/10/2017, tại phiên tòa, bị cáo cung cấp hồ sơ siêu âm ngày 16/6/2018 thể hiện bị cáo mang thai 18 tuần tuổi (khoảng hơn 4 tháng). Như vậy, thời điểm bị cáo phạm tội bị khởi tố vụ án và khởi tố bị can thì bị cáo không mang thai nên đại diện Viện kiểm sát và Luật sư đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là đang mang thai theo điểm n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là không đúng theo quy định, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận lời đề nghị trên, mà chỉ xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bản thân là thành phần lao động nghèo, chưa có tiền án tiền sự, cần xem xét

giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo là phù hợp với điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với yêu cầu của bà T yêu cầu bị cáo và ông K (chồng bị cáo) bồi thường số tiền bị chiếm đoạt là 43.810.000đ, bà Nguyễn Thị C yêu cầu bị cáo và ông K (chồng bị cáo) bồi thường số tiền bị chiếm đoạt là 8.910.000đ, bà B yêu cầu bị cáo và ông K (chồng bị cáo) bồi thường số tiền bị chiếm đoạt là 83.300.000đ và 5 chỉ vàng 24K 9999.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thể hiện: việc bị cáo có hành vi lừa dối các bị hại để chiếm đoạt số tiền trên, ông K (chồng bị cáo) không biết và không có sử dụng số tiền trên và tại phiên tòa, cũng không có chứng cứ gì chứng minh ông K liên quan đến số tiền trên nên đại diện Viện kiểm sát không buộc ông K cùng có trách nhiệm trả khoản tiền trên là phù hợp và có căn cứ chấp nhận, việc các bị hại yêu cầu ông K cùng có trách nhiệm trả khoản tiền trên là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát buộc bị cáo trả cho bà B số tiền là 100.600.000đ, là chưa phù hợp, bởi vì, bị cáo chiếm đoạt của bà B là 83.300.000đ và 5 chỉ vàng 24K vàng 9999, nghĩ nên buộc bị cáo có trách nhiệm trả lại cho bà B số tiền bị chiếm đoạt là 83.300.000đ và 5 chỉ vàng 24K vàng 9999 là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa, bị cáo thống nhất bồi thường lại cho các bị hại số tiền và vàng nêu trên, phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ASUS- JENFONE 2, màu đen-viên xám trắng là của bà T, không liên quan đến việc phạm tội của bị cáo, nghĩ nên trả lại cho bà Nguyễn Thị T là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

Đối với 01 (một) quyển tập học sinh “Công ty quyết tâm”, gồm 37 tờ, không kẻ trang bìa. Tờ 02, 03 theo dõi số vàng cho vay, được đánh số ký hiệu 01-02 bằng mực đen. Tờ 07, 08, 09 ghi theo dõi số tiền cho vay tháng đánh số ký hiệu 03- 04- 05- 06 bằng mực đen. Tờ 13, 14 ghi theo dõi số tiền cho vay ngày đánh số ký hiệu 07- 08 bằng mực đen; 01 đĩa DVD-R, nhãn hiệu maxell 4.7GB; bên trong đĩa có chứa 09 (chín) đoạn ghi âm có nội dung liên quan đến việc tiền nợ giữa bị cáo Tho E với bị hại C và T; 01 (một) tờ giấy A4 màu xanh dương, một mặt có ghi chữ “Sổ hụi” 500.000 đồng, ngày 27/6/2016 (AL), một mặt ghi chữ “Danh sách hụi viên” phía dưới là tên hụi viên tham gia; 01 (một) tờ giấy A4 màu vàng, một mặt có ghi chữ “Sổ hụi” 1.000.000 đồng, ngày 27/6/2016 (AL), một mặt ghi chữ “Danh

sách hội viên” phía dưới là tên hội viên tham gia; 01 (một) cuốn sổ có bìa màu xanh lá cây, bên trong là giấy kẻ ô vuông (kích thước 9 x 15,5^{cm}), có 09 tờ có chữ viết và chữ số được ký hiệu từ số 1 đến số 9 bằng mực đen, liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nghĩ nên tịch thu lưu vào hồ sơ vụ án là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

Đối với số tiền bị cáo vay của bà T và bà C từ ngày 03/01/2014 âm lịch đến ngày 26/3/2016 âm lịch là 56 lần, tổng số tiền: 1.369.000.000 đồng và 49 chỉ vàng 24K-9999. Qua làm việc và đối chất và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận số nợ như trên nhưng có trả lãi cụ thể 80.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng đối với tiền vay tính lãi tháng; 10.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày đối với tiền vay tính lãi ngày và 150.000 đồng/chỉ/tháng đối với vàng vay. Bà T và bà C trình bày có nhận lãi của bị cáo nhưng với lãi suất 20.000 đồng/1.000.000đ/tháng đối với tiền vay tính lãi tháng; 1.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày đối với tiền vay tính lãi ngày; 50.000 đồng/chỉ/tháng đối với vàng vay.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại và bị cáo không chứng minh được số tiền lãi và gốc mà bị cáo đã trả cho bị hại đối với từng khoản tiền, vàng vay trên. Mặc khác, các chứng từ liên quan đến việc vay mượn trên hiện nay không còn nên không đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và tại phiên tòa, bị hại cũng thống nhất số tiền vay trên sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết việc vay tiền trên giữa bị cáo và các bị hại trong vụ án này là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

Đối với tài sản gồm: 01 tủ thờ, 01 tủ quần áo, 01 cái giường, 01 chiếc xe mô tô biển số: 66N1-168.73, nhà và đất của bị cáo và Trần Văn K đã thỏa thuận giao cho bà T và bà C trước khi khởi tố vụ án, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bên không yêu cầu xem xét đối với phần tài sản trên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với Trần Văn K (chồng bị cáo) không biết việc bị cáo dùng thủ đoạn lừa đảo để chiếm đoạt tiền và vàng của các bị hại nên không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông K là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Tho E đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1/ Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, tuyên xử:

Xử phạt bị cáo Trần Thị Tho E 02 (Hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

3/ Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ vào các Điều 584; 585; 586 và 589 Bộ luật Dân sự tuyên xử:

Buộc bị cáo Trần Thị Tho E có trách nhiệm bồi thường cho bà Nguyễn Thị T số tiền bị chiếm đoạt là 43.810.000đ (Bốn mươi ba triệu tám trăm mười nghìn đồng), bà Nguyễn Thị C số tiền bị chiếm đoạt là 8.910.000đ (tám triệu chín trăm mười nghìn đồng) và bà Nguyễn Thị B số tiền bị chiếm đoạt là 83.300.000đ (Tám mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng) và 05 (Năm) chỉ vàng 24K, vàng 9999.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và phải chịu lãi của số vàng chưa thi hành, theo mức lãi suất bình quân 3 ngân hàng tại địa phương quy định (nếu có), tương ứng với thời gian chưa thi hành án, tại thời điểm thi hành án.

4/ Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1, điểm a khoản 2, điểm b, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tuyên xử:

Trả lại cho bà Nguyễn Thị T 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ASUS- JENFONE 2, màu đen-viền xám trắng.

Vật chứng trên hiện chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/5/2018.

Tịch thu lưu hồ sơ vụ án: 01 (một) quyển tập học sinh “Công ty quyết tâm”, gồm 37 tờ, không kể trang bìa. Tờ 02, 03 theo dõi số vàng cho vay, được đánh số ký hiệu 01- 02 bằng mực đen. Tờ 07, 08, 09 ghi theo dõi số tiền cho vay tháng đánh số ký hiệu 03- 04- 05- 06 bằng mực đen. Tờ 13, 14 ghi theo dõi số tiền cho vay ngày đánh số ký hiệu 07- 08 bằng mực đen; 01 đĩa DVD-R, nhãn hiệu maxell 4.7GB; bên trong đĩa có chứa 09 (chín) đoạn ghi âm có nội dung liên quan đến việc tiền nợ giữa bị cáo Tho E với bị hại C và T; 01 (một) tờ giấy A4 màu xanh dương, một mặt có ghi chữ “Sổ hụi” 500.000 đồng, ngày 27/6/2016 (AL), một mặt ghi chữ “Danh sách hụi viên” phía dưới là tên hụi viên tham gia; 01 (một) tờ giấy A4 màu vàng, một mặt có ghi chữ “Sổ hụi” 1.000.000 đồng, ngày 27/6/2016 (AL), một mặt ghi chữ “Danh sách hụi viên” phía dưới là tên hụi viên tham gia; 01 (một) cuốn sổ có bìa màu xanh lá cây, bên trong là giấy kẻ ô vuông (kích thước 9 x 15,5^{cm}), có 09 tờ có chữ viết và chữ số được ký hiệu từ số 1 đến số 9 bằng mực đen.

Các vật chứng trên hiện Tòa án đang quản lý.

5/ Về án phí: Bị cáo Trần Thị Tho E phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 7.666.000đ (bảy triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tam Nông;
- CA huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Hoàng Vũ

